

## **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHẤT LƯỢNG CAO**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2872/QĐ-HVBC TT, ngày 25/8/2017  
của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)*

Tên chương trình đào tạo:	<b>Kinh tế và Quản lý</b>
Ngành đào tạo:	<b>Kinh tế</b>
Mã số:	<b>52.31.01.01</b>
Hình thức đào tạo:	<b>Chính quy</b>

---

### **1. Mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra**

#### ***1.1. Mục tiêu đào tạo:***

Chương trình được thiết kế nhằm đào tạo cử nhân đại học chất lượng cao chuyên ngành Kinh tế và Quản lý có những đặc điểm sau:

- Có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có tinh thần trách nhiệm xã hội cao;
- Nắm vững kiến thức cơ bản và có hệ thống về kinh tế, quản lý, khoa học, xã hội và nhân văn;
- Có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về Kinh tế và Quản lý, đặc biệt các vấn đề liên quan tới phân tích và đánh giá chính sách bằng các công cụ định lượng;
- Có năng lực tham mưu tư vấn cho các cấp lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế và các doanh nghiệp ở mọi cấp độ (nhà nước cũng như tư nhân);
- Có tư duy và khả năng độc lập nghiên cứu các vấn đề lý luận, thực tiễn về kinh tế và quản lý, đồng thời có khả năng làm việc theo nhóm tốt;
- Có năng lực nghiên cứu, học hỏi để tự bổ sung kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu của công việc tại các cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế và các doanh nghiệp ở mọi cấp độ.

#### ***1.2. Chuẩn đầu ra***

- *Về kiến thức:*

Cử nhân Kinh tế và Quản lý chất lượng cao được trang bị hệ thống kiến thức cơ bản về Kinh tế và Quản lý, liên quan đến Khô i kiến thức quản lý kinh tế vĩ mô (Kinh tế vĩ mô, Kinh tế công cộng, Kinh tế quốc tế, Tài chính công, v.v.), Khô i kiến thức kinh tế vi mô (Kinh tế vi mô, Nguyên lý Marketing, Kinh doanh điện tử, Hành vi tổ chức, Thị trường tài chính, v.v.), và Khô i kiến thức về quản lý: Khoa học quản lý, Hệ thống quản trị thông tin-quản lý, v.v.). Qua đó, người học sẽ nắm vững hệ thống lý luận kinh tế vận hành trong nền kinh tế thị trường; có kiến thức về công cụ và phương pháp vận dụng các nguyên lý khoa học trong hoạt động quản lý kinh tế vi mô và vĩ mô phù hợp với điều kiện thực tiễn của Việt Nam. Chuẩn đầu ra cần thiết về kiến thức là:

+ Nắm vững tri thức cơ bản và có hệ thống về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, cơ chế chính sách và pháp luật của Nhà nước;

+ Sở hữu đầy đủ khối lượng kiến thức về khoa học xã hội và nhân văn và về khoa học tự nhiên để làm nền tảng tiếp cận tốt nhất đối với lĩnh vực kinh tế và quản lý của chuyên ngành đào tạo;

+ Nắm vững hệ thống tri thức ngành Kinh tế, nhất là tri thức chuyên ngành Kinh tế và Quản lý để có thể nghiên cứu, tư vấn và thực hiện các nhiệm vụ về Kinh tế và Quản lý.

#### *- Về kỹ năng*

Thông qua các môn học, cử nhân Kinh tế và Quản lý chất lượng cao được trang bị các nhóm kỹ năng cơ bản phục vụ cho công việc tương lai sau:

+ Nhóm kỹ năng nghề nghiệp: Kỹ năng hoạch định chính sách, chiến lược; kỹ năng thu thập, tổng hợp, phân tích vấn đề theo hướng định lượng và định tính nhằm phục vụ các mục tiêu quản lý về lĩnh vực kinh tế, và kỹ năng làm truyền thông về kinh tế;

+ Nhóm kỹ năng mềm: Kỹ năng làm việc cá nhân, làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng đàm phán và kỹ năng lãnh đạo, quản lý.

#### *- Về phẩm chất chính trị, đạo đức:*

Cử nhân Kinh tế và Quản lý chất lượng cao cũng là đối tượng đào tạo

trong khối các ngành lý luận của Học viện Báo chí và Tuyên truyền (trực thuộc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh), nên cần tu dưỡng, rèn luyện những phẩm chất nhất định về chính trị, đạo đức như sau:

+ Có bản lĩnh chính trị vững vàng, trung thành với mục tiêu lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội;

+ Biết tôn trọng pháp luật, tôn trọng những giá trị văn hóa của dân tộc và của nhân loại, và những chuẩn mực của cộng đồng.

+ Có ý thức tổ chức kỷ luật, yêu nghề và có ý thức trách nhiệm cao trong công việc, và biết tôn trọng những chuẩn mực của nghề nghiệp.

- *Về năng lực ngoại ngữ và tin học:*

Cử nhân của chương trình phải đạt chuẩn về trình độ ngoại ngữ và tin học theo công bố chung về chuẩn đầu ra của Học viện Báo chí và Tuyên truyền. Cụ thể như sau:

+ Trình độ ngoại ngữ: Người học khi tốt nghiệp đạt trình độ ngoại ngữ B2 khung châu Âu (tương đương 600 điểm TOEIC hoặc 550 điểm TOEFL pBT hoặc 61 điểm TOEFL iBT hoặc 5.5 điểm IELTS).

+ Trình độ Tin học: Người học sau khi tốt nghiệp có kiến thức tin học ứng dụng trình độ B theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo, có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong thực tiễn công tác.

- *Về năng lực chuyên môn:*

+ Năng lực dẫn dắt, lãnh đạo (leadership) và năng lực làm việc nhóm: sinh viên đầu ra có đầy đủ các kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm để phát huy tốt các năng lực dẫn dắt, lãnh đạo và làm việc nhóm trong các môi trường làm việc tương lai.

+ Năng lực thích nghi nhanh chóng với môi trường công tác: người học sẽ có tư thế chủ động trong việc thích nghi với công việc mới, môi trường mới một cách nhanh nhất, tạo lợi thế tốt trong cạnh tranh tại các môi trường làm việc.

- *Về năng lực dẫn dắt và làm việc nhóm*

Năng lực dẫn dắt, lãnh đạo (leadership) và năng lực làm việc nhóm: sinh viên đầu ra có đầy đủ các kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm để phát huy

tốt các năng lực dẫn dắt, lãnh đạo và làm việc nhóm trong các môi trường làm việc tương lai.

- *Về khả năng thích nghi với môi trường công tác*

Năng lực thích nghi nhanh chóng với môi trường công tác: người học sẽ có tư thế chủ động trong việc thích nghi với công việc mới, môi trường mới một cách nhanh nhất, tạo lợi thế tốt trong cạnh tranh tại các môi trường làm việc.

- *Vị trí làm việc tốt nghiệp:*

+ Cử nhân tốt nghiệp chuyên ngành Kinh tế và Quản lý chất lượng cao có thể giữ vị trí ban đầu là chuyên viên trong các Bộ, Ban, Ngành, Đoàn hoạt động trong lĩnh vực quản lý nhà nước về kinh tế và các lĩnh vực có liên quan khác. Bên cạnh đó, các cử nhân có thể làm việc cho các tổ chức phi lợi nhuận, phi chính phủ, tổ chức hoạt động xã hội với các vị trí có sử dụng chuyên môn được đào tạo vì đã được trang bị khả năng ngôn ngữ và các kiến thức cần thiết.

+ Ngoài ra, sinh viên tốt nghiệp còn có thể trở thành cán bộ nghiên cứu về Kinh tế và Quản lý tại các viện hoặc trung tâm nghiên cứu, các cơ sở giáo dục - đào tạo hoặc cơ quan hoạch định chính sách kinh tế - chính trị - xã hội. Trong những công việc này, các cử nhân có đầy đủ khả năng để tham mưu tư vấn cho các cấp lãnh đạo, quản lý về các chính sách kinh tế, cùng với tham mưu tư vấn về các hoạt động, hoạch định chiến lược trong các doanh nghiệp.

**2. Thời gian đào tạo:** tối đa 6 năm (đối với sinh viên không thuộc đối tượng ưu tiên trong đào tạo).

**3. Khối lượng kiến thức toàn khoá:** 149 tín chỉ kể cả Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng.

#### **4. Đối tượng tuyển sinh**

Mọi công dân Việt Nam không phân biệt dân tộc, tôn giáo, giới tính đều có thể dự thi vào ngành Kinh tế, chuyên ngành Kinh tế và Quản lý nếu có đủ các điều kiện sau.

+ Đã tốt nghiệp Trung học Phổ thông;

+ Thí sinh đã trúng tuyển vào Học viện Báo chí tất cả các ngành có nhu cầu theo học chương trình chất lượng cao, đáp ứng được yêu cầu Tiếng Anh đầu vào và tự nguyện tham gia vào chương trình đào tạo chất lượng cao chuyên ngành Kinh tế và Quản lý;

+ Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định tại Thông tư liên Bộ Y tế - Đại học, Trung học chuyên nghiệp và Dạy nghề (nay là Bộ Giáo dục và Đào tạo) số 10/TTLB ngày 18/8/1989 và Công văn hướng dẫn số 2445/TS ngày 20/8/1990 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, không trong thời gian can án hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

+ Thí sinh là người nước ngoài được tuyển sinh theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và đào tạo

## **5. Điều kiện tốt nghiệp**

Theo quy định hiện hành của Học viện Báo chí và Tuyên truyền và quy định riêng biệt trong quy chế đào tạo dành cho các sinh viên theo hệ thống chương trình chất lượng cao. Sinh viên phải hoàn thành tất cả các học phần bắt buộc và học phần tự chọn theo yêu cầu của chương trình đào tạo, tổng thời lượng kiến thức là 151 tín chỉ kể cả Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng.

## **6. Thang điểm**

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức và cách thức theo quy định tại Điều 24 Quy định đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ (Ban hành theo Quyết định số 3307/QĐ – HVBCCTT ngày 12 tháng 9 năm 2014 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

## **7. Cấu trúc chương trình**

### **7.1. Cấu trúc chương trình đào tạo**

Chương trình bao gồm 149 tín chỉ, kể cả Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng

<b>Khối kiến thức giáo dục đại cương</b>	<b>54</b>
- Khoa học Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh	13 tín chỉ
- Ngoại ngữ (Tiếng Anh đại cương)	15 tín chỉ
- Tin học ứng dụng	3 tín chỉ
- Khoa học xã hội và nhân văn	11 tín chỉ
<i>Bắt buộc:</i>	<i>7 tín chỉ</i>
<i>Tự chọn:</i>	<i>4 tín chỉ</i>
- Giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng	12 tín chỉ
<b>Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>70</b>
- Kiến thức cơ sở ngành	26 tín chỉ
<i>Bắt buộc:</i>	<i>20 tín chỉ</i>
<i>Tự chọn:</i>	<i>06 tín chỉ</i>
- Kiến thức ngành, chuyên ngành	44 tín chỉ
<i>Bắt buộc:</i>	<i>29 tín chỉ</i>
<i>Tự chọn:</i>	<i>15 tín chỉ</i>
<b>Khối kiến thức Kiến tập – Thực tập</b>	<b>25</b>
- Kiến tập	5 tín chỉ
- Thực tập nghề nghiệp	10 tín chỉ
- Sản phẩm tốt nghiệp	10 tín chỉ

## 7.2. Nội dung chương trình

TT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Phân bổ		Phân kỳ	Điều kiện tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành		
<b>Khối kiến thức giáo dục đại cương</b>			<b>55</b>				
<b>Khoa học Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh</b>			<b>13</b>				
1.	TM51001	Triết học Mác- Lênin	3.0	2.0	1.0	1	
2.	KT51001	Kinh tế chính trị Mác- Lênin	3.0	2.0	1.0	2	
3.	CN51001	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.0	1.5	0.5	3	
4.	LS51001	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3.0	2.0	1.0	6	
5.	TH51001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.0	1.5	0.5	5	
<b>Khoa học xã hội và nhân văn</b>			<b>12</b>				
<i>Bắt buộc</i>			<b>8</b>				
6.	NP51001	Pháp luật đại cương	3.0	2.0	1.0	4	
7.	ĐC51002	Toán kinh tế	3.0	2.0	1.0	3	
8.	CT51001	Chính trị học đại cương	2.0	1.5	0.5	1	
<i>Tự chọn</i>			4/10				
9.	TG51001	Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn	2.0	1.5	0.5	1	
10.	XH51001	Xã hội học đại cương	2.0	1.5	0.5	1	
11.	TM51002	Lôgic hình thức	2.0	1.5	0.5	1	
12.	NP51002	Quản lý hành chính công	2.0	1.5	0.5	1	
13.	TT51001	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2.0	1.5	0.5	1	

<b>Khoa học tự nhiên</b>			<b>3</b>				
14.	<b>ĐC51003</b>	Tin học ứng dụng	3.0	1.0	2.0	2	
<b>Ngoại ngữ</b>			<b>15</b>				
15.	<b>NN51011</b>	Tiếng Anh học phần 1	4.0	2.0	2.0	1	
16.	<b>NN51012</b>	Tiếng Anh học phần 2	3.0	1.5	1.5	1	
17.	<b>NN51013</b>	Tiếng Anh học phần 3	4.0	2.0	2.0	2	
18.	<b>NN51014</b>	Tiếng Anh học phần 4	4.0	2.0	2.0	3	
<b>Giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng</b>			<b>12</b>				
<i>Bắt buộc</i>			<i>11</i>				
19.	<b>ĐC51015</b>	Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất	1.0	1.0	0	1	
20.	<b>ĐC51016</b>	Kỹ thuật các môn điền kinh	1.0	0	1.0	2	
21.	<b>ĐC51017</b>	Các bài tập thể dục cơ bản	1.0	0	1.0	3	
22.	<b>QA51005</b>	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	2.0	2.0	0	3	
23.	<b>QA51006</b>	Công tác quốc phòng và an ninh	2.0	1.5	0.5	3	
24.	<b>QA51007</b>	Quân sự chung, chiến thuật, kỹ thuật bắn súng ngắn và sử dụng lựu đạn	3.0	1.0	2.0	3	
25.	<b>QA51008</b>	Hiểu biết chung về quân, binh chủng	1.0	0.5	0.5	3	
<i>Tự chọn</i>			<i>1/4</i>				
26.	<b>ĐC51018</b>	Bóng chuyên	1.0	0	1.0	4	
27.	<b>ĐC51019</b>	Bóng rổ	1.0	0	1.0	4	
28.	<b>ĐC51020</b>	Võ thuật	1.0	0	1.0	4	
29.	<b>ĐC51021</b>	Aerobic	1.0	0	1.0	4	
<b>Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>			<b>69</b>				
<b>Kiến thức cơ sở ngành</b>			<b>25</b>				
<i>Bắt buộc</i>			<i>19</i>				
30.	<b>KT52003</b>	Địa lý kinh tế	3.0	2.0	1.0	1	
31.	<b>KT52007</b>	Lịch sử kinh tế	4.0	3.0	1.0	2	
32.	<b>KT56001</b>	Kinh tế vi mô	3.0	2.0	1.0	4	
33.	<b>KT56002</b>	Kinh tế vĩ mô	3.0	2.0	1.0	5	
34.	<b>KT52006</b>	Kinh tế lượng	3.0	2.0	1.0	4	
35.	<b>KT52002</b>	Xác suất thống kê	3.0	2.0	1.0	2	
<i>Tự chọn</i>			<i>6/18</i>				
36.	<b>KT52001</b>	Khoa học quản lý	3.0	2.0	1.0	5	
37.	<b>KT53010</b>	Luật kinh tế	3.0	2.0	1.0	5	
38.	<b>KT52004</b>	Hành vi tổ chức	3.0	2.0	1.0	5	
39.	<b>KT52005</b>	Kinh tế chính trị thế giới	3.0	2.0	1.0	5	
40.	<b>KT53001</b>	Kinh tế môi trường	3.0	2.0	1.0	5	
41.	<b>KT53007</b>	Thị trường Tài chính	3.0	2.0	1.0	5	
<b>Kiến thức chuyên ngành</b>			<b>44</b>				
<i>A. Khối kiến thức kinh tế vi mô</i>			<i>12</i>				
<i>Bắt buộc</i>			<i>6</i>				
42.	<b>KT56009</b>	Nguyên lý Marketing	3.0	2.0	1.0	6	
43.	<b>KT56003</b>	Kinh doanh điện tử	3.0	2.0	1.0	7	

<i>Tự chọn</i>			<i>6/12</i>				
44.	<b>KT53002</b>	Nghệ thuật đàm phán	3.0	2.0	1.0	3	
45.	<b>KT53011</b>	Nghệ thuật lãnh đạo	3.0	2.0	1.0	3	
46.	<b>KT53004</b>	Quản trị hệ thống thông tin – quản lý	3.0	2.0	1.0	3	
47.	<b>KT53003</b>	Nguyên lý kế toán	3.0	2.0	1.0	3	
<i>B. Khối kiến thức kinh tế vĩ mô</i>			32				
<i>Bắt buộc</i>			23				
48.	<b>KT56010</b>	Tiếng Anh chuyên ngành 1	2.0	1.5	0.5	3	
49.	<b>KT56012</b>	Tiếng Anh chuyên ngành 2	3.0	2.0	1.0	4	
50.	<b>KT56008</b>	Kinh tế công cộng	3.0	2.0	1.0	6	
51.	<b>KT56004</b>	Kinh tế phát triển	3.0	2.0	1.0	6	
52.	<b>KT56007</b>	Kinh tế quốc tế	3.0	2.0	1.0	7	
53.	<b>KT53018</b>	Thống kê kinh tế	3.0	2.0	1.0	5	
54.	<b>KT53017</b>	Tài chính tiền tệ	3.0	2.0	1.0	4	
55.	<b>KT53006</b>	Tài chính công	3.0	2.0	1.0	5	
<i>Tự chọn</i>			<i>9/21</i>				
56.	<b>KT53013</b>	Quản lý nhà nước về kinh tế	3.0	2.0	1.0	7	
57.	<b>KT56011</b>	Truyền thông kinh tế	3.0	2.0	1.0	7	
58.	<b>KT53014</b>	Quản trị chiến lược	3.0	2.0	1.0	7	
59.	<b>KT53015</b>	Quản trị nguồn nhân lực	3.0	2.0	1.0	7	
60.	<b>KT53016</b>	Tài chính doanh nghiệp	3.0	2.0	1.0	7	
61.	<b>KT53012</b>	Phân tích chính sách kinh tế	3.0	2.0	1.0	7	
62.	<b>KT53016</b>	Quản trị rủi ro	3.0	2.0	1.0	7	
<b>Kiến tập, thực tập, khóa luận tốt nghiệp</b>			<b>25</b>				
63.	<b>KT54010</b>	<i>Thực tế kinh tế - xã hội</i>	<b>5.0</b>	0.5	4.5	6	
64.	<b>KT54011</b>	<i>Thực tập nghề nghiệp</i>	<b>10.0</b>	0.5	9.5	8	
65.	<b>KT54012</b>	<i>Sản phẩm tốt nghiệp</i>	<b>10.0</b>	0.5	9.5	8	
<b>Tổng</b>			<b>149</b>				

**GIÁM ĐỐC**

**PGS, TS. Trương Ngọc Nam**